

**QUY ĐỊNH**  
**về công tác quy hoạch cán bộ**

-----

Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy định thi hành Điều lệ Đảng;

Căn cứ Quy định số 50-QĐ/TW, ngày 27/12/2021 của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ;

Căn cứ Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW, ngày 15/02/2022 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ;

Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV;

Căn cứ quy định của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quy định về công tác quy hoạch cán bộ như sau:

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

Quy định này quy định về nguyên tắc, mục đích, yêu cầu, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực, thẩm quyền, trách nhiệm, phương pháp, tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi, cơ cấu, số lượng, quy trình, quản lý và công khai trong công tác quy hoạch cán bộ; áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức (*sau đây gọi chung là cán bộ*) trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở.

**Điều 2. Nguyên tắc**

1. Công tác quy hoạch cấp uỷ, cán bộ lãnh đạo, quản lý phải đặt dưới sự lãnh đạo thường xuyên, trực tiếp, toàn diện của các cấp uỷ, tổ chức đảng; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm chặt chẽ, đồng bộ, liên thông, công khai, minh bạch trong công tác quy hoạch cán bộ.

2. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền trên cơ sở nêu cao trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, người đứng đầu, đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát trong công tác quy hoạch cán bộ.

3. Coi trọng chất lượng, không vì số lượng, cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn; bảo đảm cân đối, hài hòa, hợp lý, liên thông giữa các khâu trong công tác cán bộ; giữa quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng; giữa đánh giá với quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ; giữa cán bộ quy hoạch với cán bộ đương nhiệm; giữa nguồn cán bộ ở tỉnh với địa phương, địa bàn và lĩnh vực công tác; giữa nguồn cán bộ tại chỗ với nguồn cán bộ từ nơi khác. Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và có biện pháp hiệu quả để phấn đấu thực hiện cơ cấu ba độ tuổi (khoảng cách giữa các độ tuổi là 5 năm), tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số trong quy hoạch cấp ủy, các chức danh lãnh đạo, quản lý phù hợp lĩnh vực, địa bàn công tác.

4. Quy hoạch cấp ủy các cấp phải gắn với quy hoạch lãnh đạo, quản lý; lấy quy hoạch các chức danh cấp ủy làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý, bảo đảm đồng bộ với các chủ trương, quy định của Đảng về bố trí cán bộ<sup>1</sup>; quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên; gắn kết chặt chẽ quy hoạch cán bộ của các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị với quy hoạch cán bộ cấp tỉnh.

5. Chỉ quy hoạch chức danh cao hơn, không quy hoạch chức vụ đang đảm nhiệm<sup>2</sup>. Mỗi chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá ba cán bộ, một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng một cấp phê duyệt quy hoạch (*không bao gồm chức danh ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp*). Không thực hiện đồng thời quy trình bổ sung quy hoạch với quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử vào một chức danh lãnh đạo, quản lý. Việc thực hiện quy trình bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào chức danh quy hoạch chỉ được thực hiện sau khi phê duyệt quy hoạch ít nhất 3 tháng.

### **Điều 3. Mục đích, yêu cầu**

1. Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ; bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ, chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý

---

<sup>1</sup> Ví dụ: - Đồng chí Nguyễn Văn D, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy nhiệm kỳ 2020-2025, nếu được giới thiệu quy hoạch chức danh Phó Bí thư Huyện ủy nhiệm kỳ 2025-2030 và đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, thì có thể xem xét, giới thiệu quy hoạch thêm tối đa hai trong các chức danh: Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND huyện, Phó giám đốc sở X, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Đồng chí Nguyễn Văn C, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020-2025, nếu đủ tiêu chuẩn, điều kiện, thì xem xét, giới thiệu quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy nhiệm kỳ 2025-2030 và có thể xem xét, giới thiệu quy hoạch tối đa ba chức danh trong các chức danh sau: Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND huyện nhiệm kỳ 2026-2031, trưởng ban Đảng của huyện ủy hoặc chức danh lãnh đạo, quản lý khác theo quy định.

<sup>2</sup> Ví dụ: - Đồng chí Nguyễn Văn A hiện là Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy nhiệm kỳ 2020-2025, khi quy hoạch nhiệm kỳ 2025-2030 sẽ không giới thiệu đồng chí Nguyễn Văn A vào quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy; nếu đồng chí có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, thì giới thiệu vào danh sách quy hoạch chức danh Phó Bí thư hoặc Bí thư Huyện ủy nhiệm kỳ 2025-2030.

- Đồng chí Nguyễn Văn B hiện là Phó Giám đốc Sở nhiệm kỳ 2021-2026, khi quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031 sẽ không giới thiệu đồng chí Nguyễn Văn B vào quy hoạch chức danh Phó Giám đốc Sở đang công tác hoặc phó giám đốc sở, ban, ngành và tương đương khác; nếu đồng chí đủ tiêu chuẩn, điều kiện, thì giới thiệu vào quy hoạch chức danh Giám đốc Sở nhiệm kỳ 2026-2031 hoặc chức danh khác cao hơn chức danh đang đảm nhiệm.

các cấp, nhất là người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với Nhân dân.

2. Quy hoạch cán bộ là khâu quan trọng, nhiệm vụ thường xuyên nhằm phát hiện sớm nguồn cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, có triển vọng phát triển để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

3. Việc xác định tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, chức danh quy hoạch, dự báo nhu cầu sử dụng cán bộ phải xuất phát từ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Rà soát, đánh giá toàn diện nguồn cán bộ trước khi đưa vào danh sách giới thiệu nhân sự quy hoạch; bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công bằng, công tâm, công khai, minh bạch, đúng quy trình, thẩm quyền. Không đề xuất, phê duyệt quy hoạch những trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện.

5. Thực hiện phương châm quy hoạch "động" và "mở".

- Quy hoạch "động" là định kỳ hằng năm đánh giá, rà soát để kịp thời đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc uy tín thấp và kịp thời bổ sung vào quy hoạch những cán bộ có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, triển vọng phát triển.

- Quy hoạch "mở" được hiểu là không khép kín trong từng địa phương, cơ quan, đơn vị mà cần mở rộng nguồn nhân sự từ nơi khác đủ tiêu chuẩn, điều kiện để đưa vào quy hoạch của địa phương, cơ quan, đơn vị mình.

## Chương II

### QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### Điều 4. Chức danh, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực quy hoạch

##### 1. Chức danh quy hoạch

*1.1. Các chức danh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý (theo Quy định của Bộ Chính trị)*

- Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng;
- Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy;
- Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh (*HĐND tỉnh*); Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (*UBND tỉnh*); Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (*ĐBQH tỉnh*).

## 1.2. Các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý

### 1.2.1. Các cơ quan, tổ chức đảng

- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Trưởng ban, phó trưởng ban các ban xây dựng Đảng tỉnh; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy; Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Tổng Biên tập, Phó Tổng Biên tập Báo Điện Biên Phủ; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh;
- Bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy (sau đây gọi chung là các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy).

### 1.2.2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội (sau đây gọi chung là các đoàn thể)

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh (Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Hội Nông dân tỉnh; Hội Cựu chiến binh tỉnh; Liên đoàn Lao động tỉnh);
- Bí thư, Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh.

### 1.2.3. Cơ quan khối chính quyền

- Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (ĐBQH tỉnh);
- Phó Chủ tịch HĐND tỉnh; Trưởng ban, phó trưởng ban các ban của HĐND tỉnh; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh; giám đốc, phó giám đốc các sở, ban, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh;
- Chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là HĐND cấp huyện);
- Chủ tịch, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện);
- Giám đốc, phó giám đốc ban quản lý dự án chuyên ngành cấp tỉnh;
- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường: Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên, Cao đẳng Nghề Điện Biên.

### 1.2.4. Các tổ chức hội

Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

## 1.3. Các chức danh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy quản lý, quyết định

Thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

*1.4. Các chức danh thuộc diện ban thường vụ các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý*

## **2. Đối tượng quy hoạch**

*2.1. Đối tượng 1, đối tượng 2 của quy hoạch các chức danh cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý*

Thực hiện theo Quy định của Bộ Chính trị và Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

*2.2. Đối tượng quy hoạch cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và các chức danh đã phân cấp cho cấp dưới quản lý gồm 2 đối tượng, cụ thể:*

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của quy hoạch các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, bao gồm:

+ Chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; Phó Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh: Thực hiện theo Phụ lục 1A Quy định này.

+ Chức danh bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; chủ tịch, phó chủ tịch HĐND cấp huyện; chủ tịch, phó chủ tịch UBND cấp huyện; cấp trưởng, cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy: Thực hiện theo Phụ lục 1B Quy định này.

- Đối với quy hoạch các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy quyết định: (1)- Đối tượng quy hoạch chức danh chủ tịch/giám đốc, phó giám đốc các doanh nghiệp nhà nước, thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; (2)- Đối tượng quy hoạch chức danh lãnh đạo khác (các trường chuyên nghiệp...) thực hiện như sau: Đơn vị có tổ chức cấp phòng trực thuộc thì áp dụng thực hiện tương tự như đối với sở, ngành tỉnh quy định tại Phụ lục 1B Quy định này; đơn vị không có tổ chức cấp phòng trực thuộc thì áp dụng thực hiện tương tự như đối với cấp phòng thuộc sở, ngành tỉnh hoặc cấp phòng thuộc huyện.

- Đối tượng 1 và đối tượng 2 của các chức danh diện ban thường vụ các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, tập thể lãnh đạo các sở, ban, ngành và tương đương quản lý, các cơ quan, đơn vị áp dụng Phụ lục 1B để xác định cụ thể đối tượng của các chức danh quy hoạch ở cấp mình theo quy định. *Riêng đối tượng để quy hoạch chức danh ủy viên ban chấp hành các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, thực hiện theo Phụ lục 1B Quy định này.*

## **3. Nhiệm kỳ quy hoạch**

Quy hoạch cho một nhiệm kỳ và định hướng cho nhiệm kỳ kế tiếp.

#### **4. Hiệu lực quy hoạch**

Quy hoạch cán bộ có hiệu lực từ ngày cấp có thẩm quyền ký, ban hành quyết định phê duyệt. Quy hoạch hết hiệu lực khi cán bộ được bổ nhiệm vào chức danh quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch hoặc kết thúc nhiệm kỳ theo quy định của chức danh quy hoạch<sup>3</sup>.

#### **Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch**

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo quy định nêu tại Điểm 1.2, Khoản 1, Điều 4 của Quy định này.

2. Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ được Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền theo quy định tại Điểm 1.3, Khoản 1, Điều 4 của Quy định này.

3. Ban thường vụ các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị phê duyệt quy hoạch đối với chức danh ủy viên ban chấp hành đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy và các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của tổ chức mình theo quy định hiện hành về phân cấp quản lý và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

#### **Điều 6. Trách nhiệm trong công tác quy hoạch**

1. Trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị

- Lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng về công tác quy hoạch cán bộ tại địa phương, cơ quan, đơn vị; xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện, xác định đối tượng cụ thể đối với các chức danh do cấp mình quản lý và tham gia xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện các chức danh khác khi được yêu cầu.

- Thực hiện quy trình nhân sự, kết luận về tiêu chuẩn chính trị, nhận xét, đánh giá và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý của địa phương, cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên theo quy định.

- Căn cứ quy hoạch được phê duyệt để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng,

---

<sup>3</sup> Ví dụ: (1). Đồng chí Nguyễn Văn A, được quy hoạch vào chức danh Giám đốc sở X, nhiệm kỳ 2021-2026, đến tháng 3/2022, được bổ nhiệm vào chức danh Giám đốc sở X thì quy hoạch chức danh Giám đốc sở X hết hiệu lực đối với đồng chí Nguyễn Văn A; (2). Đồng chí Nguyễn Thị B, được quy hoạch chức danh Phó Giám đốc Sở A, đến thời điểm không còn đủ tuổi trọn 1 nhiệm kỳ theo quy định nhưng chưa quyết định đưa ra khỏi quy hoạch thì quy hoạch chức danh Phó Giám đốc Sở A hết hiệu lực đối với đồng chí Nguyễn Thị B. (3). Quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan chính quyền, nhiệm kỳ 2021-2026 hết hiệu lực khi kết thúc nhiệm kỳ là tháng 5/2026 (thời điểm bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp).

luân chuyên, bố trí, sử dụng cán bộ gắn với chức danh quy hoạch theo quy định. Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quy hoạch cán bộ theo thẩm quyền.

- Ban Cán sự đảng UBND tỉnh, Đảng đoàn HĐND tỉnh, thực hiện các nội dung trên, đồng thời theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh, xem xét, thẩm định, tổng hợp trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp). Ban Cán sự đảng UBND tỉnh trình nhân sự quy hoạch các chức danh cấp trưởng, cấp phó các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh và cho ý kiến đối với quy hoạch chức danh chủ tịch, phó chủ tịch UBND cấp huyện; trường hợp, Ban Cán sự đảng UBND tỉnh có dự kiến bổ sung, thay đổi nhân sự khác thì kịp thời chỉ đạo cơ quan, đơn vị thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự và lập hồ sơ nhân sự theo quy định. Đảng đoàn HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến đối với quy hoạch chức danh chủ tịch, phó chủ tịch HĐND cấp huyện.

## **2. Trách nhiệm của Ban Tổ chức Tỉnh ủy**

- Tham mưu giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy cụ thể hóa và triển khai, thực hiện công tác quy hoạch cán bộ theo quy định.

- Tham mưu giúp Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch về quy hoạch Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh; trên cơ sở quy định, hướng dẫn của cơ quan Trung ương và của tỉnh, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của tỉnh trong nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp, rà soát, đánh giá nguồn cán bộ theo cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện để dự kiến danh sách nguồn nhân sự cơ bản đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch các chức danh trước khi tiến hành thực hiện các quy trình xây dựng quy hoạch cán bộ.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện, tiêu chuẩn chính trị của nhân sự quy hoạch; tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự để trình Bộ Chính trị xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với nhân sự là Ủy viên Trung ương Đảng (cả chính thức và dự khuyết); trình Ban Tổ chức Trung ương xem xét, phê duyệt các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; quyết định phê duyệt quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo phân cấp.

- Tham mưu tổng kết, sơ kết việc thực hiện công tác quy hoạch cán bộ của tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quy hoạch cán bộ ở các địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trao đổi, cung cấp thông tin, giới thiệu nhân sự từ nơi khác (khi cần thiết hoặc theo yêu cầu) để các địa phương, cơ quan, đơn vị nghiên cứu, xem xét, bổ sung quy hoạch theo thẩm quyền.

### **3. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và cơ quan liên quan**

- Phối hợp thẩm định, thẩm tra, cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến nhân sự quy hoạch theo yêu cầu và chức năng, nhiệm vụ.
- Thực hiện nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

### **Điều 7. Phương pháp và thời điểm quy hoạch**

1. Xây dựng quy hoạch cấp ủy, các chức danh lãnh đạo, quản lý cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai của nhiệm kỳ hiện tại đại hội đảng bộ các cấp, đại hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Hằng năm tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch từ 1 đến 2 lần cho cả nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp trong quý I.

3. Các sở, ban, ngành và tương đương, các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy báo cáo kết quả phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền của cấp mình trong tháng 3; gửi hồ sơ trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy để phối hợp với cơ quan liên quan thẩm định, tổng hợp) phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Riêng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh và nhân sự quy hoạch chức danh chủ tịch, phó chủ tịch UBND cấp huyện đồng thời gửi hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch qua Ban Cán sự đảng UBND tỉnh; nhân sự dự kiến quy hoạch chức danh chủ tịch, phó chủ tịch HĐND cấp huyện đồng thời gửi Đảng đoàn HĐND tỉnh để xem xét, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy để thẩm định) phê duyệt quy hoạch.

Cấp tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch trong quý I, báo cáo Trung ương về kết quả phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền và trình cơ quan thẩm quyền Trung ương phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý trong quý II, chậm nhất tháng 6. Trường hợp rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch lần thứ 2 trong năm phải báo cáo ít nhất sau 30 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy hoạch.

4. Đối với các tổ chức hội đặc thù cấp tỉnh được Đảng, Nhà nước giao biên chế, việc xây dựng quy hoạch đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cũng thực hiện tương tự như Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

### **Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi**

#### **1. Về tiêu chuẩn, điều kiện**

Tiêu chuẩn đối với cán bộ quy hoạch, cơ bản thực hiện như tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với chức danh theo quy định hiện hành. Tại thời điểm quy hoạch, cấp có thẩm quyền

có thể xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với những cán bộ cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh bổ nhiệm theo quy định, cụ thể như sau:

- Về trình độ chuyên môn: Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng với chức danh bổ nhiệm.

- Về trình độ lý luận chính trị:

+ Cán bộ quy hoạch các chức danh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý phải đáp ứng tiêu chuẩn lý luận chính trị tương ứng của chức danh bổ nhiệm.

+ Cán bộ quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: Đối tượng 1 phải đáp ứng tiêu chuẩn lý luận chính trị tương ứng của chức danh bổ nhiệm; đối tượng 2 có thể chưa bảo đảm tiêu chuẩn lý luận chính trị nhưng sau khi được quy hoạch phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn lý luận chính trị theo quy định.

- Chưa nhất thiết phải đáp ứng ngay các tiêu chuẩn: Kinh qua chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp dưới, trình độ quản lý nhà nước<sup>4</sup>...

## **2. Về độ tuổi, phương pháp và thời điểm tính tuổi quy hoạch**

### **2.1. Về độ tuổi quy hoạch**

Cán bộ được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 1 nhiệm kỳ kế tiếp đó (60 tháng). Khi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

### **2.2. Phương pháp tính tuổi quy hoạch**

Tuổi quy hoạch được xác định theo tinh thần Kết luận số 08-KL/TW, ngày 15/6/2021 của Bộ Chính trị về tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử và Hướng dẫn số 06-HD/BTCCTW, ngày 26/7/2021 của Ban Tổ chức Trung ương: Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm tính tuổi theo quy định phải còn ít nhất 01 nhiệm kỳ công tác (60 tháng) đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

<sup>4</sup> Ví dụ: + Quy hoạch chức danh phó bí thư cấp ủy huyện, tại thời điểm xem xét quy hoạch, nhân sự không nhất thiết phải đáp ứng đầy đủ một số tiêu chuẩn sau: *Đã kinh qua, hoàn thành tốt nhiệm vụ của một trong các chức danh ủy viên ban thường vụ, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cấp trưởng, cấp phó các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; có trình độ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương.*

+ Quy hoạch chức danh phó giám đốc sở, ngành tỉnh và tương đương, tại thời điểm xem xét quy hoạch, nhân sự không nhất thiết phải đáp ứng đầy đủ một số tiêu chuẩn sau: *Đã kinh qua, hoàn thành tốt nhiệm vụ trưởng phòng và tương đương trở lên thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh hoặc lãnh đạo cấp huyện; có trình độ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương.*

### 2.3. Thời điểm tính tuổi quy hoạch

a) Đối với quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp: Chức danh cấp ủy, lãnh đạo cấp ủy, các ban, cơ quan của Đảng, ủy ban kiểm tra cấp ủy là thời điểm tiến hành đại hội đảng bộ các cấp; chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan nhà nước là thời điểm bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức. Kế thừa cách tính thời điểm được quy định tại Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị, cụ thể:

- Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo cấp ủy, các ban, cơ quan của Đảng, ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030: Cấp xã tháng 4/2025, cấp huyện tháng 6/2025, cấp tỉnh tháng 9/2025.

- Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan chính quyền, nhiệm kỳ 2026 - 2031: Tháng 5/2026.

- Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội của nhiệm kỳ kế tiếp được xác định theo thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức nhiệm kỳ hiện tại cộng với 5 năm (60 tháng).

b) Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch: Tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch cho nhiệm kỳ hiện tại bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch (là thời điểm cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ của cấp có thẩm quyền: Ban Tổ chức Tỉnh ủy đối với chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, ban tổ chức cấp ủy huyện và tương đương đối với chức danh thuộc diện cấp ủy huyện và tương đương quản lý, cơ quan làm công tác tổ chức đối với trường hợp khác nhận được tờ trình và đầy đủ hồ sơ nhân sự theo quy định) phải còn ít nhất 72 tháng đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

- Đối với cán bộ nữ thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thì tuổi quy hoạch được xác định theo độ tuổi được quy định và thực hiện như phương pháp nêu trên.

*(Xác định tuổi cụ thể đối với các chức danh quy hoạch, theo Phụ lục 2 đính kèm).*

## **Điều 9. Hệ số, số lượng và cơ cấu**

### **1. Về hệ số, số lượng**

1.1. Hệ số quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định<sup>5</sup>.

<sup>5</sup> Ví dụ: Đảng bộ huyện A được xác định số lượng ủy viên ban chấp hành là 39 đồng chí; ủy viên ban thường vụ là 11 đồng chí; số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra là 5 đồng chí. Số lượng quy hoạch tối đa sẽ là: (1) Ủy viên ban chấp hành: 39 đồng chí nhân với hệ số 1,5 thì tối đa là 58,5 người, làm tròn thành 59 người; (2) Ủy viên ban thường vụ: 11

## 1.2. Số lượng chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý:

- Một chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá ba cán bộ<sup>6</sup>.
- Một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng một cấp phê duyệt quy hoạch<sup>7</sup> (không bao gồm chức danh ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp).

## 2. Về cơ cấu

Phân đầu thực hiện cơ cấu ba độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số trong quy hoạch cấp ủy, các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp theo hướng:

2.1. Cơ cấu ba độ tuổi: Đối với cấp tỉnh, cấp huyện, phân đầu: Dưới 40 tuổi khoảng từ 15 - 20%; từ 40 - 50 tuổi khoảng từ 50 - 60%, còn lại trên 50 tuổi. Đối với cấp xã, phân đầu: Dưới 35 tuổi khoảng từ 15 - 20%; từ 35 - 50 tuổi khoảng 50 - 60%, còn lại trên 50 tuổi.

2.2. Cán bộ trẻ (dưới 40 tuổi đối với cấp tỉnh, cấp huyện; dưới 35 tuổi đối với cấp xã), phân đầu từ 15 - 20%.

2.3. Cán bộ nữ: Phân đầu tỷ lệ cán bộ nữ trong quy hoạch cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện từ 25% trở lên; cấp ủy cấp xã từ 20% trở lên; cấp huyện và tương đương trở lên phải có cán bộ nữ trong quy hoạch lãnh đạo (ban thường vụ cấp ủy; thường trực HĐND, UBND cấp huyện; lãnh đạo sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội).

2.4. Tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế của lĩnh vực, cơ quan, đơn vị.

## Điều 10. Quy trình và hồ sơ nhân sự quy hoạch

### 1. Quy trình quy hoạch

Quy trình quy hoạch gồm 2 quy trình: (1)- Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ. (2)- Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ hằng năm từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc từ nguồn nhân sự ở nơi khác.

---

đồng chí nhân với hệ số 1,5 thì tối đa là 16,5 người, làm tròn thành 17 người; (3) Ủy viên ủy ban kiểm tra: 5 đồng chí nhân với hệ số 1,5 thì tối đa là 7,5 người, làm tròn thành 08 người.

<sup>6</sup> Ví dụ: Theo quy định, phòng B trực thuộc sở A có 02 phó trưởng phòng, số lượng quy hoạch tối đa sẽ là: 02 đồng chí nhân với 3 thì tối đa là 06 người.

<sup>7</sup> Ví dụ: - Đồng chí Nguyễn Văn B, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy huyện X, nhiệm kỳ 2020-2025 nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì được xem xét, giới thiệu quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định phê duyệt quy hoạch (Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện X; Phó trưởng các Ban Đảng Tỉnh ủy, Phó Giám đốc các sở, ngành tỉnh...) nhưng tối đa không quá 3 chức danh.

- Đồng chí Nguyễn Văn C, Phó Chủ tịch UBND xã X, nhiệm kỳ 2021-2026 nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì được xem xét, giới thiệu quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quyết định phê duyệt quy hoạch (Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch UBND, Chủ tịch HĐND xã X; Trưởng phòng, ban, đoàn thể cấp huyện...) nhưng tối đa không quá 3 chức danh.

- Quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Thực hiện theo Phụ lục 3 Quy định này.

- Quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh và tương đương (*sau đây gọi chung là các sở, ngành tỉnh*), các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy và chức danh Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy: Thực hiện theo Phụ lục 4 Quy định này.

- Quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc diện các sở, ngành tỉnh và ban thường vụ các đảng bộ thuộc Tỉnh ủy quản lý: Trên cơ sở quy trình nhân sự quy hoạch ở Phụ lục 4 để quy định cụ thể (trừ chức danh Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy) cho phù hợp cơ quan, đơn vị, cơ sở và thực hiện ở cấp mình.

**2. Hồ sơ nhân sự:** Thực hiện theo Phụ lục 5 Quy định này.

### **Điều 11. Thời gian thẩm định, phê duyệt quy hoạch**

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được tờ trình và đầy đủ hồ sơ nhân sự, cấp có thẩm quyền phải xem xét, phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, cấp có thẩm quyền có thể kéo dài thời gian nhưng không được quá 15 ngày làm việc.

### **Điều 12. Công khai và quản lý, sử dụng quy hoạch**

#### **1. Công khai quy hoạch**

Danh sách cán bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch được thông báo công khai trong cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, quản lý, sử dụng quy hoạch.

#### **2. Quản lý, sử dụng quy hoạch**

Căn cứ vào kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

- Sau 30 ngày kể từ khi phê duyệt quy hoạch, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị báo cáo cấp trên trực tiếp kết quả phê duyệt quy hoạch.

+ Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Báo cáo Ban Tổ chức Trung ương (kèm theo các quyết định phê duyệt quy hoạch) đối với chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; báo cáo Ủy ban Kiểm tra Trung ương đối với chức danh Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

+ Các sở, ngành tỉnh và ban thường vụ các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy: Báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Tổ chức Tỉnh ủy đối với chức danh ủy viên

ban chấp hành, ủy viên ủy ban kiểm tra các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy và chức danh lãnh đạo, quản lý cấp trưởng phòng và tương đương thuộc thẩm quyền phê duyệt quy hoạch của các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị để quản lý chung theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách, luân chuyển, điều động, bố trí, sắp xếp cán bộ gắn với chức danh quy hoạch nhằm đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh quy hoạch và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị. Việc đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử và bố trí, sắp xếp cán bộ phải căn cứ vào quy hoạch đã được phê duyệt.

- Định kỳ hằng năm rà soát, đánh giá phẩm chất, năng lực, uy tín, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và chiều hướng phát triển đối với cán bộ trong quy hoạch, đồng thời căn cứ số lượng, chất lượng, cơ cấu nguồn cán bộ trong quy hoạch để kịp thời điều chỉnh, bổ sung quy hoạch theo quy định.

### **Điều 13. Các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch**

1. Cán bộ quá tuổi quy hoạch hoặc bị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (đối với cá nhân) hoặc kết luận không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch hoặc cán bộ đã từ trần thì đương nhiên ra khỏi quy hoạch. Cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch ban hành quyết định đưa cán bộ đó ra khỏi quy hoạch không phải thực hiện quy trình bỏ phiếu theo quy định.

2. Đối với cán bộ bị thi hành kỷ luật, sau khi quyết định thi hành kỷ luật hết hiệu lực theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cấp có thẩm quyền có thể xem xét việc quy hoạch theo quy định.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với các trường hợp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch của nhiệm kỳ 2020 - 2025, 2021 - 2026 trước thời điểm ban hành Quy định này thì quyết định quy hoạch vẫn còn giá trị.

2. Đối với các trường hợp đã thực hiện xong quy trình rà soát, bổ sung nhưng chưa phê duyệt quy hoạch thì cấp có thẩm quyền phải rà soát, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng, hệ số theo Quy định này trước khi xem xét phê duyệt quy hoạch.

#### **Điều 15. Điều khoản thi hành**

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ Quy định của Bộ Chính trị và Quy định này, có trách nhiệm cụ thể hóa cho phù hợp với đặc

điểm, tình hình và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị nhưng không trái với Quy định của Bộ Chính trị và Quy định này; tổ chức thực hiện công tác quy hoạch cán bộ ở cấp mình và chỉ đạo, hướng dẫn cấp dưới xây dựng, thực hiện cho phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tiễn, bảo đảm đồng bộ, chặt chẽ, dân chủ, công bằng, công tâm, khách quan, minh bạch, đúng theo Quy định này và các quy định khác có liên quan.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định, nếu có vướng mắc, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi về Ban Tổ chức Tỉnh ủy để hướng dẫn hoặc báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

3. Quy định về công tác quy hoạch cán bộ (kèm theo các Phụ lục) có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Các nội dung quy định, hướng dẫn trước đây của cơ quan thẩm quyền của tỉnh về công tác quy hoạch cán bộ không còn giá trị thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH<sub>1</sub>.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
BÍ THƯ**



**Nguyễn Văn Thắng**

## **PHỤ LỤC 1A**

**ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH,  
ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY; PHÓ CHỦ TỊCH HĐND, PHÓ CHỦ  
TỊCH UBND TỈNH; PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH**  
*(Kèm Quy định số 05-QĐ/TU, ngày 30/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

-----

### **I- QUY HOẠCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH**

**1. Đối tượng 1:** (1)- Cấp trưởng và cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh và tương đương (được quy hoạch chức danh cấp trưởng); (2)- Bí thư và phó bí thư các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy (được quy hoạch chức danh bí thư). Trường hợp các đồng chí giữ chức vụ phó bí thư cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy, phó các ban, cơ quan đảng, MTTQ tỉnh và tương đương mà được xác định là có cơ cấu Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thì không cần điều kiện phải được quy hoạch vào chức danh cấp trưởng tương ứng.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

**2. Đối tượng 2:** (1)- Ủy viên ban thường vụ các đảng bộ trực thuộc tỉnh; (2)- phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; (3)- Trưởng cấp phòng (phòng, ban, chi cục, trung tâm...), trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương (sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh, cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh).

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ (120 tháng) trở lên đối với cả nam và nữ.

### **II- QUY HOẠCH BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY; PHÓ CHỦ TỊCH HĐND, PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH; PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN ĐBQH TỈNH**

**1. Đối tượng 1:** Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

**2. Đối tượng 2:** (1)- Cấp trưởng và cấp phó các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương (được quy hoạch chức danh cấp trưởng); bí thư và phó bí thư các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy (được quy hoạch chức danh bí thư). Trường hợp các đồng chí giữ chức vụ phó bí thư cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy, phó các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương mà được xác định là có cơ cấu Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thì không cần điều kiện phải được quy hoạch vào chức danh cấp trưởng tương ứng.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 (Ủy viên Ban Chấp hành) và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ (120 tháng) trở lên đối với cả nam và nữ.

-----

## **PHỤ LỤC 1B**

### **ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ VÀ CHỨC DANH ỦY VIÊN BCH CÁC ĐẢNG BỘ TRỰC THUỘC TỈNH**

*(Kèm Quy định số 05-QĐ/TU, ngày 30/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

-----

#### **I. QUY HOẠCH CHỨC DANH CẤP TRƯỞNG CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, MẶT TRẬN TỔ QUỐC, CÁC ĐOÀN THỂ, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC TỈNH (GỌI CHUNG LÀ SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH)**

**1. Đối tượng 1:** Cấp phó các sở, ban, ngành tỉnh; phó bí thư cấp ủy cấp huyện và tương đương; chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND cấp huyện.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

**2. Đối tượng 2:** Cấp trưởng các phòng và tương đương trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh; ủy viên ban thường vụ các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; phó chủ tịch HĐND, phó chủ tịch UBND cấp huyện.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ (120 tháng) trở lên đối với cả nam và nữ.

#### **II. QUY HOẠCH CHỨC DANH CẤP PHÓ CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH**

**1. Đối tượng 1:** Cấp trưởng các phòng và tương đương thuộc các sở, ban, ngành tỉnh; ủy viên ban thường vụ các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; phó chủ tịch HĐND, phó chủ tịch UBND cấp huyện.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

**2. Đối tượng 2:** Cấp phó các phòng và tương đương trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh; ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp huyện; trưởng cấp phòng và tương đương cấp huyện.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ (120 tháng) trở lên đối với cả nam và nữ.

#### **III- QUY HOẠCH ỦY VIÊN (CHUYÊN TRÁCH) ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY**

**1. Đối tượng 1:** Cấp trưởng và cán bộ (quy hoạch cấp trưởng) các phòng và tương đương thuộc cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các sở, ban, ngành tỉnh; ủy viên ban thường vụ cấp ủy, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm (quy hoạch chủ nhiệm) ủy ban kiểm tra các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

**2. Đối tượng 2:** Ủy viên ban chấp hành các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; chuyên viên các phòng thuộc cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

Các đồng chí này phải còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ (120 tháng) trở lên đối với cả nam và nữ.

#### **IV- QUY HOẠCH CHỨC DANH BÍ THƯ CÁC ĐẢNG BỘ TRỰC THUỘC TỈNH ỦY**

**1. Đối tượng 1:** Phó Bí thư các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND cấp huyện; cấp phó các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

**2. Đối tượng 2:** Ủy viên ban thường vụ các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; trưởng cấp phòng trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ (120 tháng) trở lên đối với cả nam và nữ.

#### **V- QUY HOẠCH CHỨC DANH PHÓ BÍ THƯ CÁC ĐẢNG BỘ TRỰC THUỘC TỈNH ỦY; CHỦ TỊCH HĐND, CHỦ TỊCH UBND CẤP HUYỆN**

**1. Đối tượng 1:** Ủy viên ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy; phó chủ tịch HĐND, phó chủ tịch UBND cấp huyện; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; cấp trưởng các phòng và tương đương trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

**2. Đối tượng 2:** Các đồng chí ủy viên ban chấp hành các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; cấp trưởng phòng (chưa phải là cấp ủy viên) thuộc cấp huyện; cấp phó các phòng và tương đương trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ (120 tháng) trở lên đối với cả nam và nữ.

#### **VI. QUY HOẠCH CHỨC DANH ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ CÁC ĐẢNG BỘ TRỰC THUỘC TỈNH; PHÓ CHỦ TỊCH HĐND, PHÓ CHỦ TỊCH UBND CẤP HUYỆN**

**1. Đối tượng 1:** Ủy viên ban chấp hành các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

**2. Đối tượng 2:** Cấp trưởng và cấp phó (được quy hoạch chức danh cấp trưởng) các phòng và tương đương trực thuộc cấp huyện và Đảng ủy Khối; bí thư và phó bí thư cấp ủy trực thuộc đảng bộ cấp huyện (được quy hoạch chức danh bí thư); cấp phó (được quy hoạch chức danh cấp trưởng) các phòng và tương đương trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ (120 tháng) trở lên đối với cả nam và nữ.

## **VII. QUY HOẠCH CHỨC DANH ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH CÁC ĐẢNG BỘ TRỰC THUỘC TỈNH ỦY**

**1. Đối tượng 1:** Cấp trưởng và cấp phó (được quy hoạch chức danh cấp trưởng) các phòng và tương đương trực thuộc cấp huyện và Đảng ủy Khối; bí thư và phó bí thư cấp ủy trực thuộc đảng bộ cấp huyện (được quy hoạch chức danh bí thư); cấp phó (được quy hoạch chức danh cấp trưởng) các phòng và tương đương thuộc các sở, ban, ngành, tỉnh. Trường hợp các đồng chí giữ chức vụ cấp phó các ban của Đảng, MTTQ cấp huyện mà được xác định là có cơ cấu ủy viên ban chấp hành đảng bộ huyện thì không cần điều kiện phải được quy hoạch vào chức danh cấp trưởng tương ứng.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ (120 tháng) trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

**2. Đối tượng 2:** Ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp huyện và Đảng ủy Khối; ủy viên chuyên trách ban thường vụ của các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; Ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp xã và tương đương; phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã và tương đương; chuyên viên các phòng và tương đương trực thuộc cấp huyện.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ (120 tháng) trở lên đối với cả nam và nữ.

-----

**PHỤ LỤC 2**  
**XÁC ĐỊNH TUỔI<sup>1</sup> ĐỐI VỚI CÁC CHỨC DANH QUY HOẠCH**  
*(Kèm Quy định số 05-QĐ/TU, ngày 30/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

-----

**I- TUỔI QUY HOẠCH NHIỆM KỲ KẾ TIẾP ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG 1**

**1. Chức danh cấp ủy, lãnh đạo các ban, cơ quan của đảng, ủy ban kiểm tra các cấp nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031**

| Chức danh cấp ủy, lãnh đạo các ban, cơ quan của Đảng, ủy ban kiểm tra các cấp | Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2025-2030             |                                                |
|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------|
|                                                                               | Nam                                           | Nữ                                             |
| Xã                                                                            | Sinh từ tháng 4/1968 trở lại đây              | Sinh từ tháng 01/1972 trở lại đây <sup>2</sup> |
| Huyện                                                                         | Sinh từ tháng 6/1968 trở lại đây              | Sinh từ tháng 02/1972 trở lại đây <sup>3</sup> |
| Tỉnh                                                                          | Sinh từ tháng 9/1968 trở lại đây <sup>4</sup> | Sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây <sup>5</sup>  |

**2. Chức danh lãnh đạo, quản lý cơ quan nhà nước nhiệm kỳ 2026-2031**

| Chức danh lãnh đạo, quản lý cơ quan nhà nước các cấp<br>(cùng một thời điểm) | Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031             |                                               |
|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
|                                                                              | Nam                                           | Nữ                                            |
|                                                                              | Sinh từ tháng 5/1969 trở lại đây <sup>6</sup> | Sinh từ tháng 9/1972 trở lại đây <sup>7</sup> |

<sup>1</sup> Lưu ý: (1) Đối với cán bộ nữ thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thì tuổi quy hoạch được xác định theo độ tuổi được quy định. (2) Cán bộ nữ không thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn thì việc xác định tuổi quy hoạch tương ứng ở cột độ tuổi của nữ.

<sup>2</sup> Ví dụ 1: Đồng chí Nguyễn Thị A (nữ) sinh tháng 01/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 4 tháng - 53 tuổi 3 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 4/2025) = 5 năm 01 tháng công tác (nếu tính sinh tháng 12/1971, thì thiếu 04 tháng).

<sup>3</sup> Ví dụ 2: Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh tháng 02/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 4 tháng - 53 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2025) = 5 năm công tác.

<sup>4</sup> Ví dụ 3: Đồng chí Nguyễn Văn C (nam) sinh tháng 9/1968, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 62 tuổi - 57 tuổi (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2025) = 5 năm công tác.

<sup>5</sup> Ví dụ 4: Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh tháng 05/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 4 tháng - 53 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2025) = 5 năm công tác.

**3. Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội** (xác định theo thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức nhiệm kỳ hiện tại cộng với 60 tháng).

(1)- Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệm kỳ 2029-2034 (cấp xã tháng 3/2029, cấp huyện tháng 5/2029, cấp tỉnh tháng 7/2029).

| Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc các cấp | Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2029-2034             |                                                 |
|---------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------|
|                                             | Nam                                           | Nữ                                              |
| Xã                                          | Sinh từ tháng 3/1972 trở lại đây              | Sinh từ tháng 9/1974 trở lại đây <sup>8</sup>   |
| Huyện                                       | Sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây <sup>9</sup> | Sinh từ tháng 9/1974 trở lại đây <sup>10</sup>  |
| Tỉnh                                        | Sinh từ tháng 7/1972 trở lại đây              | Sinh từ tháng 11/1974 trở lại đây <sup>11</sup> |

(2)- Chức danh lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ nhiệm kỳ 2026-2031 (cấp xã tháng 4/2026, cấp huyện tháng 6/2026, cấp tỉnh tháng 9/2026);

| Chức danh lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp | Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031<br>(đối với cấp xã, huyện, tỉnh); nhiệm kỳ 2027-2032<br>(đối với cấp Trung ương) |
|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Xã                                              | Sinh từ tháng 9/1972 trở lại đây <sup>12</sup>                                                                     |

<sup>6</sup> Ví dụ 5: Đồng chí Nguyễn Văn C (nam) sinh tháng 5/1969, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 62 tuổi - 57 tuổi (tuổi thực tế tại thời điểm bầu cử Quốc hội, HĐND tháng 5/2026) = 5 năm công tác.

<sup>7</sup> Ví dụ 6: Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh tháng 9/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 8 tháng (tuổi tại thời điểm bầu cử Quốc hội, HĐND tháng 5/2026) = 5 năm công tác.

<sup>8</sup> Ví dụ 7: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh tháng 9/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 8 tháng - 54 tuổi 6 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 3/2029) = 5 năm 02 tháng công tác (nếu tính sinh tháng 8/1974, thì thiếu 03 tháng).

<sup>9</sup> Ví dụ 8: Đồng chí Nguyễn Văn C (nam) sinh tháng 5/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 62 tuổi - 57 tuổi (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 5/2029) = 5 năm công tác.

<sup>10</sup> Ví dụ 9: Đồng chí Nguyễn Thị M (nữ) sinh tháng 9/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 8 tháng - 54 tuổi 8 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 5/2029) = 5 năm công tác.

<sup>11</sup> Ví dụ 10: Đồng chí Nguyễn Thị M (nữ) sinh tháng 11/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 8 tháng - 54 tuổi 8 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 7/2029) = 5 năm công tác.

<sup>12</sup> Ví dụ 11: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh tháng 9/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 7 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 4/2026) = 5 năm 1 tháng công tác (nếu tính sinh tháng 8/1972, thì thiếu 04 tháng).

|       |                                                 |
|-------|-------------------------------------------------|
| Huyện | Sinh từ tháng 10/1972 trở lại đây <sup>13</sup> |
| Tỉnh  | Sinh từ tháng 01/1973 trở lại đây <sup>14</sup> |

(3)- Chức danh lãnh đạo Liên đoàn Lao động nhiệm kỳ 2028-2033 (cấp xã tháng 6/2028, cấp huyện tháng 9/2028, cấp tỉnh tháng 11/2028).

| Chức danh lãnh đạo Liên đoàn Lao động các cấp | Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2028-2033 |                                                 |
|-----------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|
|                                               | Nam                               | Nữ                                              |
| Xã                                            | Sinh từ tháng 6/1971 trở lại đây  | Sinh từ tháng 02/1974 trở lại đây <sup>15</sup> |
| Huyện                                         | Sinh từ tháng 9/1971 trở lại đây  | Sinh từ tháng 5/1974 trở lại đây <sup>16</sup>  |
| Tỉnh                                          | Sinh từ tháng 11/1971 trở lại đây | Sinh từ tháng 7/1974 trở lại đây <sup>17</sup>  |

(4)- Chức danh lãnh đạo Hội Nông dân nhiệm kỳ 2028-2033 (cấp xã tháng 5/2028, cấp huyện tháng 6/2028, cấp tỉnh tháng 9/2028).

| Chức danh lãnh đạo Hội Nông dân các cấp | Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2028-2033 |                                                 |
|-----------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|
|                                         | Nam                               | Nữ                                              |
| Xã                                      | Sinh từ tháng 5/1971 trở lại đây  | Sinh từ tháng 01/1974 trở lại đây <sup>18</sup> |

<sup>13</sup> Ví dụ 12: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh tháng 10/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 8 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2026) = 5 năm công tác.

<sup>14</sup> Ví dụ 13: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh tháng 01/1973, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 8 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2026) = 5 năm công tác.

<sup>15</sup> Ví dụ 14: Đồng chí Nguyễn Thị T (nữ) sinh tháng 02/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 6/2028) = 5 năm công tác.

<sup>16</sup> Ví dụ 15: Đồng chí Nguyễn Thị T (nữ) sinh tháng 5/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 9/2028) = 5 năm công tác.

<sup>17</sup> Ví dụ 16: Đồng chí Nguyễn Thị T (nữ) sinh tháng 7/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 11/2028) = 5 năm công tác.

<sup>18</sup> Ví dụ 17: Đồng chí Nguyễn Thị D (nữ) sinh tháng 01/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 5/2028) = 5 năm công tác.

|       |                                  |                                                 |
|-------|----------------------------------|-------------------------------------------------|
| Huyện | Sinh từ tháng 6/1971 trở lại đây | Sinh từ tháng 02/1974 trở lại đây <sup>19</sup> |
| Tỉnh  | Sinh từ tháng 9/1971 trở lại đây | Sinh từ tháng 5/1974 trở lại đây <sup>20</sup>  |

(5)- Chức danh lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2027-2032 (cấp xã tháng 5/2027, cấp huyện tháng 8/2027, cấp tỉnh tháng 10/2027).

Độ tuổi quy hoạch đối với các chức danh cán bộ Đoàn ở các cấp, cơ bản thực hiện theo nguyên tắc nêu trên và theo quy định của Trung ương Đoàn (nếu có) bảo đảm đồng bộ với độ tuổi cán bộ Đoàn theo Quyết định số 289-QĐ/TW, ngày 08/02/2010 của Ban Bí thư.

## **II- TUỔI QUY HOẠCH NHIỆM KỲ KẾ TIẾP ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG 2**

Độ tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 2 được xác định: Độ tuổi của đối tượng 1 (của chức danh tương ứng nêu tại Phần I) cộng thêm 5 năm (60 tháng).

## **III- TUỔI RÀ SOÁT, BỔ SUNG QUY HOẠCH HÀNG NĂM ĐỐI VỚI CẢ 2 ĐỐI TƯỢNG**

Việc xác định độ tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ kế tiếp và nhiệm kỳ hiện tại tại cơ bản thực hiện như phương pháp tính nêu tại khoản 2, Điều 8 của Quy định. Vào thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ kế tiếp, cán bộ phải còn thời gian công tác ít nhất 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với đối tượng 1 và ít nhất 2 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2; đối với rà soát bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ phải còn thời gian công tác ít nhất 72 tháng và ít nhất 120 tháng đối với đối tượng 2.

<sup>19</sup> Ví dụ 18: Đồng chí Nguyễn Thị D (nữ) sinh tháng 02/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2028) = 5 năm công tác.

<sup>20</sup> Ví dụ 19: Đồng chí Nguyễn Thị D (nữ) sinh tháng 5/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2028) = 5 năm công tác.

### PHỤ LỤC 3

QUY TRÌNH NHÂN SỰ QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO,  
QUẢN LÝ THUỘC DIỆN BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ QUẢN LÝ  
VÀ CHỨC DANH ỦY VIÊN BCH, ỦY VIÊN BTV TỈNH ỦY; PHÓ CHỦ TỊCH  
HĐND, UBND TỈNH; PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN ĐBQH TỈNH  
(Kèm Quy định số 05-QĐ/TU, ngày 30/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

-----

## I- QUY TRÌNH XÂY DỰNG QUY HOẠCH CÁN BỘ NHIỆM KỲ KẾ TIẾP TỪ NGUỒN NHÂN SỰ TẠI CHỖ

**1. Bước 1:** Xây dựng kế hoạch triển khai và chuẩn bị nguồn cán bộ dự kiến phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

Căn cứ Quy định của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ và cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của tỉnh; Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy thực hiện các công việc sau: (1)- Xây dựng kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và chức danh Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy. (2)- Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ để dự kiến danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch từng chức danh lãnh đạo, quản lý nêu trên.

**2. Bước 2:** Tổ chức hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy (lần 1)

Trên cơ sở báo cáo của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, tập thể Ban Thường vụ thảo luận, phân tích và thông qua: (1)- Kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của tỉnh; (2)- Danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để trình các hội nghị xem xét, phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

Thành phần: Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

**3. Bước 3:** Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nguồn quy hoạch (bằng phiếu kín).

(1) Thành phần: Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; bí thư, phó bí thư các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND cấp huyện.

(2) Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

#### **4. Bước 4:** Tổ chức hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3, tập thể Ban Chấp hành tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

(1) Thành phần: Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

(2) Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

#### **5. Bước 5:** Tổ chức hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy (lần 2)

Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của tỉnh và kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3 và bước 4, Ban Thường vụ tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách phê duyệt quy hoạch hoặc trình cấp trên phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

## **II- QUY TRÌNH RÀ SOÁT, BỔ SUNG QUY HOẠCH HÀNG NĂM**

### **1. Quy trình đối với nguồn nhân sự tại chỗ**

Căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ hàng năm của cấp có thẩm quyền và đề xuất của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo rà soát, bổ sung quy hoạch theo các bước sau:

#### **(1) Bước 1:** Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy (lần 1)

Xem xét, thông qua danh sách bổ sung quy hoạch để lấy ý kiến tại các hội nghị và bỏ phiếu đưa ra khỏi quy hoạch đối với những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc đưa ra khỏi quy hoạch: Những đồng chí có trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý thì đưa ra khỏi quy hoạch hoặc đề xuất cấp trên đưa ra khỏi quy hoạch theo thẩm quyền.

(2) **Bước 2:** Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

Thành phần: Như thành phần nêu tại bước 3 mục I Phụ lục này.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

**(3) Bước 3:** Tổ chức hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, Ban Chấp hành tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

**(4) Bước 4:** Tổ chức hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy (lần 2).

Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của tỉnh và kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2 và bước 3, Ban Thường vụ tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách phê duyệt quy hoạch hoặc đề nghị cấp trên phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

## **2. Quy trình đối với nguồn nhân sự từ nơi khác**

**(1) Bước 1:** Chuẩn bị và xác định nguồn quy hoạch.

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy thực hiện các công việc sau: (1) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ tại chỗ (trong quy hoạch và ngoài quy hoạch); trong đó, phân tích và xác định rõ cơ cấu, số lượng, chuyên ngành đào tạo, chức danh quy hoạch hiện còn thiếu nguồn nhân sự hoặc có nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu đặt ra cần giới thiệu bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự từ nơi khác. (2) Nghiên cứu, đề xuất danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu nhiệm vụ của tỉnh.

**(2) Bước 2:** Tổ chức hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy (lần 1).

Trên cơ sở báo cáo của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thảo luận, phân tích, xác định cơ cấu, số lượng chức danh quy hoạch; đồng thời, thông qua danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác.

(3) **Bước 3:** Trao đổi với nhân sự và lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác.

Đại diện Thường trực Tỉnh ủy hoặc giao Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy gặp gỡ, trao đổi với nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch; đồng thời, có văn bản lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác về dự kiến chức danh quy hoạch; nhận xét, đánh giá đối với cán bộ và cung cấp hồ sơ nhân sự theo quy định.

(4) **Bước 4:** Tổ chức hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy (lần 2).

Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách phê duyệt quy hoạch hoặc đề nghị cấp trên phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

**\* Lưu ý:**

- Các hội nghị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.
- Thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch tương tự như thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp.
- Kết quả biểu quyết giới thiệu tại bước 5 (xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp) và ở bước 4 (rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm) được công bố tại hội nghị tập thể lãnh đạo. Đối với kết quả kiểm phiếu phát hiện, giới thiệu ở các bước còn lại không công bố tại hội nghị tương ứng.

## PHỤ LỤC 4

### QUY TRÌNH NHÂN SỰ QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ THUỘC DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ (TRÚ CHỨC DANH ĐÃ QUY ĐỊNH Ở PHỤ LỤC 3) VÀ CHỨC DANH ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH CÁC ĐẢNG BỘ TRỰC THUỘC TỈNH ỦY

(Kèm Quy định số 05-QĐ/TU, ngày 30/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

-----

## I- QUY TRÌNH XÂY DỰNG QUY HOẠCH CÁN BỘ NHIỆM KỲ KẾ TIẾP TỪ NGUỒN NHÂN SỰ TẠI CHỖ

**1. Bước 1:** Xây dựng kế hoạch triển khai và chuẩn bị nguồn cán bộ dự kiến phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

Căn cứ Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ và cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị; ban thường vụ huyện, thị, thành ủy, đảng ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh chỉ đạo cơ quan (phòng, ban, bộ phận) tham mưu về tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau: (1)- Xây dựng kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị mình. (2)- Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ theo cơ cấu, số lượng quy định để dự kiến danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định.

### **2. Bước 2:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1)

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan (phòng, ban, bộ phận) tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo thảo luận, phân tích và thông qua: (1) Kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị. (2) Danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để trình các hội nghị xem xét, phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

Thành phần:

- Đối với các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy là ban thường vụ cấp ủy.
- Đối với các sở, ngành tỉnh là ban cán sự đảng, đảng đoàn hoặc tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (nơi không thành lập ban cán sự đảng, đảng đoàn). Trường hợp tại thời điểm thực hiện quy trình quy hoạch, cơ quan, tổ chức chỉ có 01 lãnh đạo là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu thì vận dụng thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 47, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, ngày 27/11/2020 của Chính phủ.
- Đối với Tỉnh Đoàn là Ban Thường vụ Tỉnh đoàn.

**3. Bước 3:** Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nguồn quy hoạch (bằng phiếu kín).

(1) Thành phần:

- Đối với cấp huyện là: Ban chấp hành đảng bộ cấp huyện; trưởng các phòng và tương đương thuộc huyện; bí thư, phó bí thư cấp ủy trực thuộc đảng bộ cấp huyện; chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND cấp xã (xã, phường, thị trấn).

- Đối với Đảng ủy Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh là: Ban chấp hành đảng bộ; trưởng, phó ban và tương đương thuộc cơ quan Đảng ủy Khối; bí thư cấp ủy trực thuộc Đảng ủy Khối.

- Đối với các sở, ngành tỉnh là: Ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (nơi không thành lập ban cán sự đảng, đảng đoàn); cấp ủy cơ quan, đơn vị; trưởng, phó cấp phòng và tương đương trực thuộc; trưởng các đoàn thể (công đoàn, phụ nữ, cựu chiến binh...) của cơ quan, đơn vị. Trường hợp cơ quan, đơn vị dưới 30 biên chế, thành phần hội nghị bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong biên chế của cơ quan, đơn vị.

(2) Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

#### **4. Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng.**

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3, tập thể lãnh đạo mở rộng tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

##### **1) Thành phần:**

- Đối với các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy là ban chấp hành đảng bộ.

- Đối với các sở, ngành tỉnh là ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (nơi không thành lập ban cán sự đảng, đảng đoàn); cấp ủy cơ quan, đơn vị; trưởng cấp phòng và tương đương trực thuộc cơ quan, đơn vị.

- Đối với Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu Chiến Binh, Hội Nông dân, Tỉnh Đoàn, Liên đoàn Lao động tỉnh là Ban Chấp hành của tổ chức.

(2) Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

#### **5. Bước 5: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)**

Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị và kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3 và bước 4, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị cấp trên phê duyệt quy hoạch hoặc quyết định phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền.

Thành phần: Như thành phần nêu tại bước 2 mục I Phụ lục này.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

## **II- QUY TRÌNH RÀ SOÁT, BỔ SUNG QUY HOẠCH HÀNG NĂM**

### **1. Quy trình đối với nguồn nhân sự tại chỗ**

Căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ hằng năm của cấp có thẩm quyền và đề xuất của cơ quan (phòng, ban, bộ phận) tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo chỉ đạo rà soát, bổ sung quy hoạch theo các bước sau:

(1) **Bước 1:** Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1) xem xét, thông qua danh sách bổ sung quy hoạch để lấy ý kiến tại các hội nghị tiếp theo và bỏ phiếu (trừ trường hợp đương nhiên đưa ra khỏi quy hoạch, quy định tại Điều 13 Quy định này) để đề nghị cấp thẩm quyền đưa ra khỏi quy hoạch đối với những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc đưa ra khỏi quy hoạch: Những đồng chí có trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý thì đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch.

(2) **Bước 2:** Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

(3) **Bước 3:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng.

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, tập thể lãnh đạo mở rộng tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

(4) **Bước 4:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2).

Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị và kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2 và bước 3, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị cấp trên phê duyệt quy hoạch hoặc quyết định phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

## **2. Quy trình đối với nguồn nhân sự từ nơi khác**

(1) **Bước 1:** Chuẩn bị và xác định nguồn quy hoạch.

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, ban thường vụ đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (nơi không thành lập ban cán sự đảng, đảng đoàn) chỉ đạo cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau: (1) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ tại chỗ (trong

quy hoạch và ngoài quy hoạch); trong đó, phân tích và xác định rõ cơ cấu, số lượng, chuyên ngành đào tạo, chức danh quy hoạch mà địa phương, cơ quan, đơn vị hiện còn thiếu nguồn nhân sự hoặc có nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu đặt ra cần giới thiệu bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự nơi khác. (2) Nghiên cứu, đề xuất danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

**(2) Bước 2:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1).

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, lãnh đạo (lãnh đạo sở, ngành hoặc Thường trực cấp ủy huyện) xem xét sơ bộ và trao đổi với Ban Tổ chức Tỉnh uỷ (bằng văn bản) về dự kiến nhân sự giới thiệu bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự ở nơi khác để phối hợp rà soát tổng thể, thống nhất trước khi đưa ra tập thể lãnh đạo thảo luận, phân tích, xác định cơ cấu, số lượng chức danh quy hoạch; đồng thời, thông qua danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác.

**(3) Bước 3:** Trao đổi với nhân sự và lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác.

Đại diện tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị gặp gỡ, trao đổi với nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch; đồng thời, có văn bản lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác về dự kiến chức danh quy hoạch; nhận xét, đánh giá đối với cán bộ và cung cấp hồ sơ nhân sự theo quy định.

**(4) Bước 4:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2).

Tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

**\* Lưu ý:**

- Các hội nghị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.
- Thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch tương tự như thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp.
- Kết quả biểu quyết giới thiệu tại bước 5 (xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp) và ở bước 4 (rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm) được công bố tại hội nghị tập thể lãnh đạo. Đối với kết quả kiểm phiếu phát hiện, giới thiệu ở các bước còn lại không công bố tại hội nghị tương ứng.

**PHỤ LỤC 5**  
**DANH MỤC HỒ SƠ NHÂN SỰ QUY HOẠCH**  
*(Kèm Quy định số 05-QĐ/TU, ngày 30/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

-----

**Danh mục Hồ sơ nhân sự thống nhất khổ giấy A4, gồm:**

1. Tờ trình kèm danh sách nhân sự đề nghị phê duyệt quy hoạch (*Phụ lục 5A*); bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu ở các bước (*Phụ lục 5B*).

2. Danh sách quy hoạch có hồ sơ nhân sự gửi kèm theo (*Phụ lục 5C*). Các thành phần tài liệu trong mỗi hồ sơ nhân sự sắp xếp theo thứ tự sau:

(1). Sơ yếu lý lịch theo mẫu hiện hành của Ban Tổ chức Trung ương do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4x6 (*Khai Sơ yếu lý lịch theo hướng dẫn tại Phụ lục 5D*).

(2). Nhận xét, đánh giá cán bộ của cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (1) Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ và việc thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. (2) Năng lực công tác: Kết quả, hiệu quả công việc, mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao. (3) Uy tín: Kết quả đánh giá cán bộ hằng năm của cấp có thẩm quyền và kết quả lấy phiếu tín nhiệm theo quy định (nếu có). (4). Chiều hướng và triển vọng phát triển: Khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo chức danh quy hoạch. Cụ thể gồm:

- Nhận xét, đánh giá cán bộ trong 3 năm gần nhất của chi bộ và xác nhận của đảng ủy cơ quan (nếu có) nơi cán bộ công tác (*Phụ lục 5Đ*);

- Nhận xét, đánh giá cán bộ trong 3 năm gần nhất của ban thường vụ cấp ủy đối với cán bộ công tác ở các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; của đảng đoàn, ban cán sự đảng hoặc tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (nơi không thành lập ban cán sự đảng, đảng đoàn) đối với cán bộ công tác ở các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương (*Phụ lục 5E*).

(3). Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

(4). Bản kê khai tài sản, thu nhập **phục vụ công tác cán bộ** theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành (có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định).

(5). Bản sao có giá trị pháp lý các văn bằng, chứng chỉ về trình độ học vấn phổ thông, chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, Quản lý Nhà nước... (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

\* **Lưu ý:** Các tài liệu nêu tại mục (1), (2), (3), (4) không quá 06 tháng tính đến thời điểm xem xét.

Cơ quan, đơn vị: .....

.....

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT (ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG) QUY HOẠCH**  
**Chức danh Giám đốc....., Giai đoạn .....**  
*(Hoặc Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các chức danh lãnh đạo quản lý huyện B, nhiệm kỳ .....-..... )*

| Số TT                                         | Họ và tên    | Ngày tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Quê quán               | Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay       | Ngày vào Đảng | Trình độ        |                                            |                             | Bồi dưỡng Quản lý nhà nước | Ngạch lương | Lý do đưa ra khỏi quy hoạch | BIỂU QUYẾT CỦA ...<br>(Bước 4/5)   |         |
|-----------------------------------------------|--------------|----------------------|-----------|---------|------------------------|-----------------------------------------|---------------|-----------------|--------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------|-------------|-----------------------------|------------------------------------|---------|
|                                               |              |                      |           |         |                        |                                         |               | Học hàm, học vị | Chuyên môn                                 | Lý luận chính trị           |                            |             |                             | Số phiếu đồng ý                    | Tỷ lệ % |
| A. CHỨC DANH ...                              |              |                      |           |         |                        |                                         |               |                 |                                            |                             |                            |             |                             |                                    |         |
| I. Tiếp tục quy hoạch: ... đ/c                |              |                      |           |         |                        |                                         |               |                 |                                            |                             |                            |             |                             |                                    |         |
| 1                                             | Nguyễn Văn A | 01/02/1970           | Nam       | Kinh    | Kiến Xương - Thái Bình | Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải      | 20/4/1999     | Đại học         | Xây dựng cầu đường; Trường...              | Cao cấp                     | CVCC                       | CVCC        |                             | Tiếp tục quy hoạch không lấy phiếu |         |
| ...                                           |              |                      |           |         |                        |                                         |               |                 |                                            |                             |                            |             |                             |                                    |         |
| II. Đưa ra khỏi danh sách quy hoạch... đ/c    |              |                      |           |         |                        |                                         |               |                 |                                            |                             |                            |             |                             |                                    |         |
| 1                                             | Phạm Thị B   | 01/5/1964            | Nữ        | Kinh    | Tuần Giáo - Điện biên  | Chánh Văn phòng Sở Giao thông vận tải   | 02/9/1980     | Đại học         | Quản lý tài chính công, Học viện tài chính | Cao cấp                     |                            | CVC         | Quá tuổi giới thiệu lần đầu |                                    |         |
| ...                                           |              |                      |           |         |                        |                                         |               |                 |                                            |                             |                            |             |                             |                                    |         |
| III. Bổ sung vào danh sách quy hoạch: ... đ/c |              |                      |           |         |                        |                                         |               |                 |                                            |                             |                            |             |                             |                                    |         |
| 1                                             | Lê Thị C     | 02/02/1980           | Nữ        | Thái    | Điện Biên - Điện Biên  | Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y | 02/9/1998     | Đại học         | Xây dựng, Trường ĐH X                      | Trung cấp (đang học CCLLCT) | CVC                        | CVC         |                             | 4/4                                | 100%    |
|                                               |              |                      |           |         |                        |                                         |               | Thạc sĩ         | Quản lý kinh tế; Trường X                  |                             |                            |             |                             |                                    |         |
| 2                                             | Sùng Văn D   | 03/3/1970            | Nam       | Mông    | Diễn Châu - Nghệ An    | Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải   | 02/9/1995     | Cao đẳng        | XD cầu - đường bộ, Trường ....             | Cao cấp                     | CV                         | CV          |                             | 3/4                                | 75%     |
|                                               |              |                      |           |         |                        |                                         |               | Đại học         | Tài chính, Trường ....                     |                             |                            |             |                             |                                    |         |
| ...                                           |              |                      |           |         |                        |                                         |               |                 |                                            |                             |                            |             |                             |                                    |         |
| B. CHỨC DANH ... (Chi tiết như mục A)         |              |                      |           |         |                        |                                         |               |                 |                                            |                             |                            |             |                             |                                    |         |

**Lưu ý:**

- Trình độ Chuyên môn ghi đầy đủ chuyên ngành, trường đào tạo.
- Nếu là Thạc sĩ thì ngoài tên trường và chuyên ngành thạc sĩ cần ghi thêm chuyên ngành, trường đào tạo bậc Đại học;
- Trình độ chuyên môn ghi từ bằng cấp gần với tiêu chuẩn chức danh quy hoạch nhất (Nếu trình độ đại học chưa sát với tiêu chuẩn chức danh quy hoạch thì ghi thêm chuyên ngành, trường của bậc đào tạo thấp hơn).
- Đối với xây dựng quy hoạch mới (nhiệm kỳ kế tiếp) thì không có chi tiết các mục I, II, III trong mẫu

Điện Biên, ngày ... tháng ... năm 2021  
Thủ trưởng cơ quan, đơn vị  
(Ký tên, đóng dấu)

CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG,  
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ...

\*

PHỤ LỤC 5B

.....

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU

Nhân sự giới thiệu quy hoạch (hoặc rà soát, bổ sung quy hoạch) các chức danh lãnh đạo, quản lý  
nhiệm kỳ ...

| STT | Họ và tên     | Ngày sinh | Giới tính | Dân tộc | Quê quán | Chức vụ, đơn vị công tác | Ngày vào Đảng | Trình độ       |            |                   | Chức danh đã được phê duyệt quy hoạch | Đối tượng quy hoạch (đối tượng 1 hoặc 2) | Số phiếu giới thiệu |           |            |           |            |           |
|-----|---------------|-----------|-----------|---------|----------|--------------------------|---------------|----------------|------------|-------------------|---------------------------------------|------------------------------------------|---------------------|-----------|------------|-----------|------------|-----------|
|     |               |           |           |         |          |                          |               | Học hàm học vị | Chuyên môn | Lý luận chính trị |                                       |                                          | Bước 2 (3)          |           | Bước 3 (4) |           | Bước 4 (5) |           |
|     |               |           |           |         |          |                          |               |                |            |                   |                                       |                                          | Số phiếu            | Tỷ lệ (%) | Số phiếu   | Tỷ lệ (%) | Số phiếu   | Tỷ lệ (%) |
| I   | Chức danh ... |           |           |         |          |                          |               |                |            |                   |                                       |                                          |                     |           |            |           |            |           |
| 1   | Trần Văn A    |           |           |         |          |                          |               |                |            |                   |                                       |                                          |                     |           |            |           |            |           |
| ... |               |           |           |         |          |                          |               |                |            |                   |                                       |                                          |                     |           |            |           |            |           |
| II  | Chức danh ... |           |           |         |          |                          |               |                |            |                   |                                       |                                          |                     |           |            |           |            |           |
| 1   | Nguyễn Văn B  |           |           |         |          |                          |               |                |            |                   |                                       |                                          |                     |           |            |           |            |           |
| ... |               |           |           |         |          |                          |               |                |            |                   |                                       |                                          |                     |           |            |           |            |           |
|     | ...           |           |           |         |          |                          |               |                |            |                   |                                       |                                          |                     |           |            |           |            |           |

NGƯỜI TỔNG HỢP  
(Ký, ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Tên cơ quan, đơn vị.....

PHỤ LỤC 5C

**DANH SÁCH NHÂN SỰ QUY HOẠCH CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ**  
Nhiệm kỳ.....

| STT                     | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác hiện nay | Chức danh quy hoạch |
|-------------------------|-----------|-----------------------|----------------------------------------------|---------------------|
| 1                       |           |                       |                                              |                     |
| 2                       |           |                       |                                              |                     |
| 3                       |           |                       |                                              |                     |
| ...                     |           |                       |                                              |                     |
|                         |           |                       |                                              |                     |
|                         |           |                       |                                              |                     |
|                         |           |                       |                                              |                     |
|                         |           |                       |                                              |                     |
| Tổng số hồ sơ: ..... Bộ |           |                       |                                              |                     |

Lưu ý: Số thứ tự trùng với số điền trên tài hồ sơ

..., ngày ... tháng ... năm ... ..  
**NGƯỜI LẬP DANH SÁCH**  
(Ký, ghi rõ họ tên  
, số điện thoại liên hệ)

**PHỤ LỤC 5D**  
**HƯỚNG DẪN KHAI SƠ YẾU LÝ LỊCH MẪU 2C/TCTW-98**  
*(Kèm Quy định số 05-QĐ/TU, ngày 30/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

-----

Khi kê khai lý lịch theo mẫu 2C/TCTW-98 cần khai đúng và đầy đủ các nội dung theo yêu cầu trong mẫu (không cắt bớt hoặc điều chỉnh thứ tự trong mẫu), chú ý một số nội dung sau:

**Mục 1. Họ và tên khai sinh:** Viết chữ in hoa.

**Mục 3. Cấp ủy hiện tại, cấp ủy kiêm, chức vụ:**

**Cấp ủy hiện tại:** Là cấp ủy được hưởng lương theo hệ số phụ cấp chức vụ cấp ủy (Ví dụ: Ủy viên BCH, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Ủy viên BCH, Ủy viên Ban Thường vụ các đảng bộ trực thuộc tỉnh...).

**Cấp ủy kiêm:** Là cấp ủy được hưởng phụ cấp cấp ủy theo quy định (Ví dụ: Ủy viên BCH, Ủy viên Ban Thường vụ các tổ chức cơ sở đảng, trực thuộc các đảng bộ trực thuộc tỉnh).

**Chức vụ:** Ghi rõ chức vụ, chức danh công việc chính được phân công đảm nhiệm về Đảng, đoàn thể, chính quyền, kể cả kiêm nhiệm (Ví dụ: Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy A, Giám đốc Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện A).

**Mục 5. Nơi sinh: Mục 6. Quê quán:** Điền đầy đủ tên địa danh hành chính theo 3 cấp: xã, huyện, tỉnh (nếu địa danh nơi sinh có sự thay đổi thì ghi theo tên địa danh đơn vị hành chính hiện nay).

**Mục 7. Nơi ở hiện nay:** Ghi chi tiết từ Số nhà (nếu có) trở lên đến tỉnh

**Mục 8. Dân tộc:** Ghi rõ tên dân tộc theo quy định của Nhà nước.

**Mục 9. Tôn giáo:** Ghi rõ tên Tôn giáo theo quy định của Nhà nước, Nếu không theo tôn giáo nào, thì ghi là **Không**.

**Mục 12. Ngày được tuyển dụng:** Ghi ngày chính thức được tuyển dụng theo quyết định tuyển dụng của cá nhân.

**Mục 15. Ngày tham gia các tổ chức chính trị xã hội:** Ghi ngày/tháng/năm tham gia tổ chức nào (ví dụ: Ngày 26/3/1999 vào Đoàn Thanh niên cộng sản HCM).

**Mục 20. Danh hiệu được phong, mục 22. Khen Thưởng:** chỉ điền các mức khen và phong tặng theo hướng dẫn tại mẫu 2c-BTCTW.

**Mục 23. Kỷ luật:** Ghi rõ ràng, đầy đủ về kỷ luật Đảng, chính quyền, đoàn thể, cấp quyết định, năm nào, lý do, hình thức kỷ luật. Nếu không có ghi chữ **Không**.

**Mục 26. Đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ:** Ghi rõ thời gian học Từ tháng/năm Đến tháng/năm; chỉ kê khai sau khi đã được cấp bằng hoặc chứng chỉ đối với các chương trình, đào tạo, bồi dưỡng đó. (Lưu ý: Gửi kèm hồ sơ bản photo có chứng thực những văn bằng chứng chỉ đã khai tại mục này).

**Mục 27. Tóm tắt quá trình công tác:** Ghi rõ các mốc thời gian (Từ tháng/năm Đến tháng, năm) tương ứng với chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, đảm bảo thời gian và quá trình công tác liên tục, kế tiếp nhau, không bị ngắt quãng. Trường hợp nhân sự có khoảng thời gian từ khi tốt nghiệp THPT hoặc tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp đến khi đi công tác từ 6 tháng trở lên thì ghi bổ sung rõ các thông tin như: Làm gì, ở đâu (tên

cơ quan, đơn vị, nơi làm việc, nơi ở theo địa danh hành chính, ghi đầy đủ 3 cấp xã, huyện, tỉnh) vào Mục 27, trước phần khai quá trình công tác (ví dụ: từ 6/1999 đến 6/2000: làm ruộng phụ giúp gia đình, chờ xin việc tại.....; từ 6/2000 đến 6/2001 hợp đồng thử việc tại ...hoặc thời gian đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, lao động tự do trong nước....)

**Mục 28. Đặc điểm lịch sử bản thân:** Đảm bảo kê khai trung thực và đầy đủ các thông tin liên quan đến bản thân và thân nhân, nếu không có ghi chữ **Không**.

**Mục 29. Quan hệ với người nước ngoài:** Ngoài việc kê khai bản thân có tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội ở nước ngoài, cần khai rõ thêm Có thân nhân (Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) ở nước ngoài (làm gì, ở đâu), Kết hôn với người nước ngoài (Nếu có).

**Mục 30. Quan hệ gia đình:**

- Khai theo thứ tự: Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở hiện nay, thành viên tổ chức chính trị xã hội (nếu có). Mỗi nội dung khai xong ngắt câu bằng dấu (;); không ghi lại các từ "quê quán", "nghề nghiệp", "nơi ở" để đảm bảo ngắn gọn nhưng đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

- Nếu thân nhân đã nghỉ hưu thì phải ghi rõ chức danh, chức vụ, đơn vị công tác trước khi nghỉ hưu; nếu đã chết thì ghi rõ năm chết, lý do chết, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác trước khi chết.

**Ví dụ:**

|     |              |      |                                                                                                                                                                                               |
|-----|--------------|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bố  | Nguyễn Văn A | 1955 | Thái phượng - Hưng Hà - Thái Bình; Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Điện Biên đã nghỉ hưu năm 2010; Tổ dân phố 13- P. Mường Thanh - TP. Điện Biên Phủ - T. Điện Biên. Đảng viên ĐCSVN. |
|     | hoặc         |      |                                                                                                                                                                                               |
| Bố  | Nguyễn Văn B | 1935 | Thái Thành - Thái Thụy - Thái Bình; Công chức Sở X tỉnh Lai Châu nghỉ hưu năm 1995, đã chết năm 2015 do già yếu.                                                                              |
| Vợ  | Nguyễn Thị C | 1982 | Quài Cang - Tuần Giáo - Điện Biên; Trưởng phòng Tổ chức Sở A tỉnh Điện Biên; Tổ dân phố 13 - P. Mường Thanh - TP. Điện Biên Phủ - T. Điện Biên. Đảng viên ĐCSVN.                              |
| Con |              |      | Thái phượng - Hưng Hà - Thái Bình; Sinh viên năm thứ nhất, Học viện Tài chính Hà Nội; P. Đức Thắng - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội.                                                             |
|     | Nguyễn Văn D | 1999 |                                                                                                                                                                                               |

**Trường hợp trong mẫu không đủ để ghi, thì đánh máy phụ lục bổ sung, cá nhân kê khai ký, có xác nhận của đơn vị quản lý cán bộ.**

**Mục 31. Hoàn cảnh kinh tế gia đình**

- Quá trình lương của bản thân: Khai 5 bậc lương gần nhất tính đến thời điểm khai mẫu 2c/BTCTW-98.

- Nguồn thu nhập chính của gia đình (hàng năm): Tính tổng thu nhập của các thành viên sinh sống trong cùng một gia đình/năm; Các mục khác khai theo mẫu, nếu mục nào không có ghi chữ **Không**.

**PHỤ LỤC 5 Đ***(Kèm Quy định số 05-QĐ/TU, ngày 30/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

ĐẢNG BỘ .....

CHI BỘ .....

\*

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA CHI BỘ****Đối với đồng chí ....., Chức vụ .....****3 năm (.....)**

-----

**I. ƯU ĐIỂM, KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC***1. Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ và việc thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên:*

- Về phẩm chất chính trị.
- Về đạo đức, lối sống.
- Về ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ.
- Việc thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

*2. Về năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao*

- Năng lực công tác; tinh thần trách nhiệm; khả năng nghiên cứu, vận dụng vào thực tiễn công tác;
- Việc thực hiện chức trách, quyền hạn theo quy định (Đảng, Chính quyền, đoàn thể)

- Kết quả, hiệu quả công việc; việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao trong năm được lượng hóa bằng sản phẩm cụ thể. Mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

*3. Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII, XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng;*

- Việc nghiên cứu, xây dựng kế hoạch của cá nhân thực hiện nghị quyết; việc đấu tranh phòng, chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của cá nhân.

- Cá nhân đồng chí có hay không có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

*4. Việc thực hiện cam kết tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu hằng năm*

Việc xây dựng bản cam kết hàng năm; kết quả tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu thực hiện cam kết.

*5. Uy tín và triển vọng phát triển*

- Kết quả đánh giá cán bộ hàng năm của cấp có thẩm quyền.
- Kết quả lấy phiếu tín nhiệm theo quy định (nếu có).
- Triển vọng phát triển của cán bộ.

**II. HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM**

*(theo 4 nội dung nêu trên)*

**III. KẾT QUẢ XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG ĐẢNG VIÊN 3 NĂM:**

- Năm .....:
- Năm .....:
- Năm .....:

**T/M CHI ỦY (CHI BỘ)**

*(Ghi rõ chức vụ, ký tên, đóng dấu)*

**XÁC NHẬN CỦA ĐẢNG ỦY CƠ SỞ**

*(ghi rõ chức vụ, ký tên, đóng dấu)*

*\* Lưu ý: Nếu là chi bộ trực thuộc thì phải có xác nhận của Đảng ủy cơ sở; nếu là chi bộ cơ sở thì ghi rõ chức vụ, ký tên, đóng dấu vào phần T/M CHI ỦY (CHI BỘ)*

(Kèm Quy định số 05-QĐ/TU, ngày 30/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

✱

....., ngày tháng năm 2021

**Của ...** (Ban cán sự đảng, Đảng đoàn; Ban Thường vụ Tỉnh đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Ban Thường vụ các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh; tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (nơi không thành lập Ban cán sự đảng; Đảng đoàn) **đối với đồng chí.....; chức vụ, đơn vị công tác**

.....

=====

1- Họ và tên:

2- Sinh ngày:

### 3- Quê quán:

4- Ngày vào Đảng CSVN: \_\_\_\_\_ ; chính thức: \_\_\_\_\_

5- Trình độ:

- Chuyên môn:

- Lý luận chính trị:

- Bồi dưỡng: + Quản lý Nhà nước: + Ngoại ngữ + Tin học:

6- Ngạch Công chức:

7- Quá trình công tác: (Yêu cầu khai đảm bảo khớp với lý lịch mẫu 2C trong hồ sơ nhân sự)

.....

1. Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ và việc thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên:

- Về phẩm chất chính trị.

- Về đạo đức, lối sống.

- Về ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ.

- Việc thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

*2. Về năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao*

- Năng lực công tác; tinh thần trách nhiệm; khả năng nghiên cứu, vận dụng vào thực tiễn công tác;

- Việc thực hiện chức trách, quyền hạn theo quy định (Đảng, Chính quyền, đoàn thể)

- Kết quả, hiệu quả công việc; việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao trong năm được lượng hóa bằng sản phẩm cụ thể. Mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

*3. Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII, XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng;*

- Việc nghiên cứu, xây dựng kế hoạch của cá nhân thực hiện nghị quyết; việc đấu tranh phòng, chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của cá nhân.

- Cá nhân đồng chí có hay không có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

*4. Việc thực hiện cam kết tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu hàng năm*

Việc xây dựng bản cam kết hàng năm; kết quả tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu thực hiện cam kết.

*5. Uy tín và triển vọng phát triển*

Tóm tắt ưu điểm nổi trội và uy tín đối với cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân; kết quả lấy phiếu tín nhiệm theo quy định (nếu có); triển vọng phát triển của cán bộ.

### **III- HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM**

Nêu những hạn chế, khuyết điểm theo các nội dung đánh giá ở trên.

### **IV- KẾT QUẢ XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG 3 NĂM GẦN NHẤT**

1. Xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức (theo kết quả của cấp có thẩm quyền đánh giá theo phân cấp quản lý cán bộ).

- Năm .....:

- Năm .....:

- Năm .....

2. Xếp loại chất lượng đảng viên

- Năm .....:

- Năm .....:

- Năm .....

**V- KẾT LUẬN CHUNG**

1- **(Đảm bảo hay không đảm bảo)** tiêu chuẩn chung về cán bộ theo quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy.....

2- **(Có hay không có)** khả năng đảm nhận và hoàn thành nhiệm vụ được cấp ủy phân công.

3- Triển vọng và chiều hướng phát triển: ..... **(Tốt hơn hay giữ mức)**

**T/M .....**

*(ghi rõ chức danh, ký tên, đóng dấu)*

**PHỤ LỤC 6***(Kèm Quy định số 05-QĐ/TU, ngày 30/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

-----

**CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG,  
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ...****ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
HOẶC CỘNG HÒA XÃ HỘI.....**

\*

*(đóng dấu)**..... ngày..... tháng..... năm.....***PHIẾU GIỚI THIỆU/ BIỂU QUYẾT****Quy hoạch (rà soát, bổ sung quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch)  
các chức danh lãnh đạo, quản lý... nhiệm kỳ ...  
(tại Hội nghị.....)**

-----

Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, cơ cấu, số lượng, ... và phẩm chất đạo đức, năng lực cán bộ; ban thường vụ cấp ủy (tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị)... đề nghị đồng chí cho biết ý kiến giới thiệu (biểu quyết) nhân sự quy hoạch (rà soát, bổ sung hoặc đưa ra khỏi quy hoạch) các chức danh lãnh đạo, quản lý... nhiệm kỳ... và đánh dấu (X) vào ô tương ứng trong danh sách dưới đây:

| STT        | Họ và tên <sup>21</sup>                          | Ngày sinh | Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay | Giới thiệu/Biểu quyết |              |
|------------|--------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|-----------------------|--------------|
|            |                                                  |           |                                   | Đồng ý                | Không đồng ý |
| <b>I</b>   | <b>Chức danh<br/>Bí thư Tỉnh ủy/Huyện ủy</b>     |           |                                   |                       |              |
| 1          | Nguyễn Văn A                                     |           |                                   |                       |              |
| 2          | ...                                              |           |                                   |                       |              |
| <b>II</b>  | <b>Chức danh<br/>Phó Bí thư Tỉnh ủy/Huyện ủy</b> |           |                                   |                       |              |
|            | ...                                              |           |                                   |                       |              |
| <b>III</b> | <b>Chức danh ...</b>                             |           |                                   |                       |              |
|            | ...                                              |           |                                   |                       |              |

Ý kiến khác (nếu có):.....

.....

**NGƯỜI GIỚI THIỆU***(Có thể ký tên hoặc không ký tên)*

<sup>21</sup> Đưa danh sách các đồng chí bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, được tin nhiệm giới thiệu ở bước trước theo quy định.

**PHỤ LỤC 7***(Kèm Quy định số 05-QĐ/TU, ngày 30/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)***CẤP ỦY, TỔ CHỨC  
ĐẢNG, CƠ QUAN,  
ĐƠN VỊ**

\*

Số -QĐ/.....

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
HOẶC CỘNG HÒA XÃ HỘI.....**

....., ngày.....tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH****phê duyệt quy hoạch (điều chỉnh, bổ sung quy hoạch) các chức danh (cấp ủy, cán bộ lãnh đạo, quản lý của cơ quan (đơn vị), nhiệm kỳ.....**

-----

Căn cứ Quyết định số ....QĐ/....., ngày ....../...../..... của ..... về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị.....;

Căn cứ Quy định số 50-QĐ/TW, ngày 27/12/2021 của Bộ Chính trị; Căn cứ Quy định số 05-QĐ/TU, ngày 30/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên và Quy định số .....QĐ/..... ngày....../....../..... của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị..... (nếu có) về công tác quy hoạch cán bộ;

Xét đề nghị của Cơ quan, đơn vị..... (Tờ trình số .....TTr/....., ngày...../...../.....),

**BAN THƯỜNG VỤ CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG, THỦ TRƯỞNG CƠ  
QUAN, ĐƠN VỊ ..... QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt quy hoạch (điều chỉnh, bổ sung quy hoạch) các chức danh ( cấp ủy, cán bộ lãnh đạo, quản lý) của cơ quan (đơn vị), nhiệm kỳ ..... (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Ban Thường vụ (cấp ủy, tổ chức đảng), tập thể lãnh đạo cơ quan (đơn vị) có trách nhiệm thông báo công khai quy hoạch, định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch theo quy định hiện hành; xây dựng kế hoạch và phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển đối với cán bộ trong danh sách quy hoạch.

**Điều 3.** Văn phòng ....., Ban Tổ chức..... (phòng, ban, bộ phận tham mưu về công tác tổ chức của cơ quan, đơn vị), ban thường vụ (cấp ủy, tổ chức đảng), tập thể lãnh đạo cơ quan (đơn vị)....., cơ quan liên quan và các đồng chí có tên trong danh sách quy hoạch nêu tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,

- .....

- Lưu VP, Ban.....

**T/M BAN THƯỜNG VỤ (CẤP ỦY,  
TỔ CHỨC ĐẢNG, THỦ TRƯỞNG  
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ***(Ký tên, đóng dấu)*